

Số: 22/2021/QĐST-HNGĐ

*Bắc Quang, ngày 04 tháng 02 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 2, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 và khoản 7 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2021,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn L và chị Bàn Thị T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Văn L và chị Bàn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

**Việc nuôi con chung:** Chị Bàn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Tường V, sinh năm 03/01/2019 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn L có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000/ tháng (Một triệu đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ

ngày 01/3/2021 cho đến khi cháu Lê Tường V đủ 18 tuổi. Chị Bàn Thị T là người nhận số tiền cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Lê Tường V.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Anh Lê Văn L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000<sup>d</sup> và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 150.000<sup>d</sup>. Tổng số tiền án phí anh Lê Văn L tự nguyện chịu là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số 0001331 ngày 12/01/2021. Chị Bàn Thị T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- UBND x. H, h.B, t. Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Đàm Thị Tư**